

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thu Hà

2. Bà Mai Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Y, sinh năm 1994 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Nhà số A, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà P hạm Thị Kiều P, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 17/3/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Ông Nguyễn Thanh Y trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà P kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang ngày 25/02/2015. Sau khi kết hôn ông và bà P cùng lên tỉnh

Bình Dương làm công nhân sinh sống, cuộc sống vợ chồng êm ấm được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc làm ăn và giải quyết xử lý chuyện nội bộ gia đình... Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa nên giữa ông bà luôn bất hòa, gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 03 năm 2017, ông bà không còn chung sống với nhau nữa và đã ly thân đến nay được 03 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà P.

- Về con chung: Giữa ông và bà P có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/7/2015, hiện bà P đang nuôi cháu H. Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà P tiếp tục nuôi cháu H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo Đơn khởi kiện ngày 17/3/2020 ông Y trình bày ông không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/7/2020, ông trình bày: Trong thời gian cả hai ông và bà P ly thân, ông vẫn tới lui thăm con và có tự nguyện cấp dưỡng cho cháu hàng tháng. Trong Đơn khởi kiện ông trình bày không cấp dưỡng nuôi con là do lỗi đánh máy, nay ông xin thay đổi ý kiến, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tiền cấp dưỡng ông sẽ giao cho bà P đại diện nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Bà P hạm Thị Kiều P: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ tạm trú của ông Y, CMND của ông Y (Bản sao); Hóa đơn bưu điện gửi hồ sơ khởi kiện cho bà P; Giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh của cháu H (Bản sao); Đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 08/7/2020.

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không ghi được lời khai bà P ngày 13/7/2020 và ngày 23/7/2020; Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 23/7/2020; Phiếu xác minh hộ khẩu của bà P ngày 23/7/2020.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Ông Y được ly hôn với bà P; Về con chung: Bà P được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/7/2015, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Y về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, tiền cấp dưỡng do bà P đại diện nhận; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh Y có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P hạm Thị Kiều P do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà P hạm Thị Kiều P có nơi cư trú tại tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn – Ông Y vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên ông đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/7/2020 phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn – Bà P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Y và bà P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông Y và bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân

và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa ông Y và bà P xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo ông Y nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, trong việc làm ăn và giải quyết xử lý chuyện nội bộ gia đình dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, tin tưởng nhau. Giữa ông bà đã ly thân từ tháng 03 năm 2017 đến nay được 03 năm. Nay ông Y yêu cầu ly hôn với bà P.

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Y và bà P ngày 23/7/2020, bà Quách Ái N là chị em cô cậu ruột với bà P trình bày: Về mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Y và bà P theo bà biết là do trong lúc bà P sinh con, ông Y hay đi vắng nhà, không lo lắng và quan tâm vợ con từ đó cuộc sống vợ chồng hay cãi vã, giữa bà P và ông Y đã không còn sống chung từ năm 2017. Theo bà giữa bà P và ông Y khó đoàn tụ vì vợ chồng đã ly thân thời gian dài.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa ông Y và bà P lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Y, ông Y được ly hôn với bà P.

2.2 Về con chung: Giữa ông Y và bà P có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/7/2015, hiện đang sống với bà P. Theo trình bày của ông Y thì sau khi ly hôn ông đồng ý để bà P được tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu H cho bà P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà P phải tạo điều kiện cho ông Y trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Về phía bà P không có yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên ông Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, xét thấy việc tự nguyện của ông Y không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận: Ông Nguyễn Thanh Y cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi; Tiền cấp dưỡng do bà P đại diện nhận;

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông Y xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông Y là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Ông Y và bà P có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh Y được ly hôn với bà Phạm Thị Kiều P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 ngày 25/02/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/7/2015 cho bà Phạm Thị Kiều P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bà P phải tạo điều kiện cho ông Y trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh Y cấp dưỡng nuôi con chung - cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/7/2015 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng do bà P đại diện nhận.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006879 ngày 08/5/2020 thì ông Y còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh Y và bà Phạm Thị Kiều P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Ngọc Trinh